TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 146/2025/HS-ST
Ngày: 03/3/2025.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Vũ Thị Thu Thủy**.

Thẩm phán Ông **Nguyễn Ngọc Huân**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Nguyễn Thị Thúy**

Bà **Bạch Thị Kim Loan**

Ông **Vũ Văn Thịnh**

- *Thư ký phiên tòa**:*** **Nguyễn Việt Hùng** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà **Phạm Thanh Dung** - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số:56/2025/TLST-HS ngày 23 tháng 01 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:95/2025/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 2 năm 2025 đối với các bị cáo:

1. Bị cáo: **Nguyễn Tuấn T,** Giới tính: Nam; Sinh năm 1974; Tại Hà Nội; Nơi cư trú: Số nhà B, ngõ A N, phường N, quận L, thành phố Hà Nội; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh ; Tôn giáo: KhôngNghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Không; Con ông: Nguyễn Văn K và con bà: Dương Thị T1 (đã chết); Có vợ: Hoàng Thị M và có 01 con sinh năm 1998. Tiền sự: Không.

Tiền án: Bản án số 304/2020/HSST ngày 29/9/2020, Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai, Hà Nội xử phạt 46 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy", theo quy định tại Điều 249 Bộ luật Hình sự. Ra trại ngày 23/9/2023.

Nhân thân: Bản án số 207/2005/HSST ngày 16/11/2005, Tòa án nhân dân quận Long Biên, Hà Nội phạt 32 tháng tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy", theo quy định tại Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999, ra trại ngày 17/02/2008.

- Bản án số 152/2014/HSST ngày 27/4/2014, Tòa án nhân dân quận Ba Đình, Hà Nội phạt 28 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy", theo quy định tại Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999. Ra trại ngày 01/5/2016.

Bị cáo tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/5/2024 đến nay tại Trại tạm giam số 2 – Công an thành phố H (Có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Trần Khắc T2- Văn phòng L2 (Có mặt).

2. Bị cáo **Nguyễn Thị Kim A;** Giới tính: Nữ; Sinh năm: 1984; HKTT: Số A đường G, Tổ E, phường T, quận H, TP Hà Nội; Chỗ ở: Số G, ngõ A Đ, phường Đ, quận H, TP Hà Nội; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: Không; Chức vụ trước khi phạm tội (Đảng, chính quyền, đoàn thể): Không; Con ông: Nguyễn Văn L và con bà: Vũ Thị T3; Có chồng: Phạm Thanh T4, (đã ly thân) và có 03 con, lớn sinh năm 2002, nhỏ sinh năm 2013. Tiền sự: Không.

Tiền án: Bản án 91/2021/HSST ngày 18/6/2021, Tòa án nhân dân quận Tây Hồ, Hà Nội phạt 38 tháng tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy", theo quy định tại Điều 251 Bộ luật Hình sự, ra trại ngày 20/9/2023.

Bị cáo tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/8/2024 đến nay tại Trại tạm giam số 2 – Công an thành phố H, (Có mặt).

3. Bị cáo: **Trần Văn T5;** Giới tính: Nam; Sinh ngày 25 tháng 9 năm 1986 tại Hà Nội; Nơi cư trú: Số E đường Y, phường N, quận B, TP Hà Nội; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 7/12; Con ông: Trần Văn C (đã chết) và con bà: Nguyễn Thị T6; Có vợ: Hà Thị Mai Q và có 01 con sinh năm 2012; **Tiền án, tiền sự**: Không.

Nhân thân: Bản án số 47/HSST ngày 04/3/2004, Tòa án nhân dân quận Ba Đình xử phạt 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", theo quy định tại Điều 138 Bộ luật Hình sự.

- Bản án số 288/HSST ngày 22/10/2004, Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm phạt 08 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự, tổng hợp với hình phạt 06 tháng tù tại Bản án số 47/HSSTngày 04/3/2004,

Tòa án nhân dân quận Ba Đình, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung 14 tháng tù, ra trại ngày 30/7/2007.

Bị cáo tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/5/2024 đến nay tại Trại tạm giam số 2 – Công an thành phố H, (Có mặt).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Chị Bùi Thị H, sinh năm 1976, trú tại: Số G Ngõ V, phường V, quận Đ, Hà Nội, (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ 45 ngày 28/5/2024, tại khu vực đầu ngõ B L, phường N, quận L, TP Hà Nội, Công an quận L kiểm tra bắt quả tang Trần Văn T5 có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Thu giữ tại túi quần bên trái của T5: 01 túi nilon chứa tinh thể màu trắng. Ngoài ra, Cơ quan Công an còn tạm giữ của T5: 01 điện thoại di động nhãn hiệu SamSung màu đen, số thuê bao 0334137940 và 01 xe máy nhãn hiệu Honda Wave BKS 29U5-3918.

Mở rộng điều tra, Cơ quan điều tra xác định những đối tượng đã bán ma túy cho T5 là Nguyễn Thị Kim A và Nguyễn Tuấn T (có lý lịch nêu trên)

Tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Nguyễn Tuấn T tại số B N, phường N, quận L, Hà Nội, thu giữ:

- Trong ngăn kệ bên trái: 01 túi nilon kích thước (10x5) cm chứa chất bột màu trắng, 01 túi nilon kích thước (15x10) cm chứa tinh thể màu trắng, 01 túi nilon màu vàng bên trong có 07 túi nilon màu xanh và 02 túi nilon màu hồng đều chứa các viên nén màu hồng, 01 túi nilon chứa các vỏ túi nilon.

- Trong ngăn kệ giữa nhà có 01 túi nilon kích thước (3x3) cm chứa tinh thể màu trắng.

- Trong ngăn tủ giường có 01 tẩu hút tự tạo và số tiền 49.000.000 đồng.

Ngoài ra, Cơ quan điều tra còn tạm giữ của T: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 màu trắng số thuê bao 0964472998, 01 xe máy nhãn hiệu Honda SH màu trắng nâu BKS 29V5-51500 và số tiền 20.600.000 đồng.

Kết luận giám định số 3943/KL-KTHS ngày 06/6/2024 của Phòng K1 - C2 kết luận về số ma túy thu giữ của Trần Văn T5: Tinh thể màu trắng bên trong 01 túi nilon là ma túy loại Methamphetamine, khối lượng: 5,251 gam.

Kết luận giám định số 3942/KL-KTHS ngày 06/6/2024 của Phòng K1 - C2 kết luận về số ma túy thu giữ của Nguyễn Tuấn T:

- Chất bột màu trắng bên trong 01 túi nilon là ma túy loại Heroine, khối lượng: 1,685 gam.

- Tinh thể màu trắng bên trong 01 túi nilon là ma túy loại Methamphetamine, khối lượng: 11,632 gam.

- Các viên nén màu hồng bên trong 07 túi nilon màu xanh và 02 túi nilon màu hồng đều là ma túy loại Methamphetamine, tổng khối lượng: 176,169 gam.

- Tinh thể màu trắng bên trong 01 túi nilon là ma túy loại Ketamine, khối lượng: 0,692 gam.

- 01 bộ tẩu hút tự tạo có dính ma túy loại Methamphetamine.

Quá trình điều tra xác định:

Do không có việc làm ổn định nên Nguyễn Tuấn T nảy sinh ý định mua ma túy về bán kiếm lời và sử dụng cho bản thân. Khoảng đầu tháng 1/2024, qua quan hệ xã hội, Nguyễn Thị Kim A quen biết Nguyễn Tuấn T. Tháng 5/2024, Kim A biết T bán ma túy nên nảy sinh ý định mua ma túy của T để bán lại cho khách.

Ngày 19/5/2024, Nguyễn Tuấn T dùng số điện thoại 0964472998 gọi đến số 0936102516 của đối tượng nam giới tên M1 (không rõ họ tên, địa chỉ cụ thể) đặt mua 40.000.000 đồng ma túy "đá", hồng phiến, H1. Sau đó, đối tượng M1 hẹn T giao dịch ma túy tại khu vực đê phường B, quận L, Hà Nội. Sau khi mua được ma túy, T mang về chia nhỏ ra các túi nilon khác nhau để bán lại khi có khách mua.

Khoảng 15 giờ ngày 28/5/2024, Trần Văn T5 sử dụng số điện thoại 0334137940 gọi vào số điện thoại 0333002076 của Nguyễn Thị Kim A hỏi mua 2.500.000 đồng ma túy đá, mục đích để sử dụng cho bản thân. Kim A đồng ý, gọi đến số 0964472998 của Nguyễn Tuấn T bảo có người hỏi mua 1.800.000 đồng ma túy "đá", T sẽ thu của người nhận ma túy 300.000 đồng tiền mặt, còn 1.500.000 đồng trừ vào tiền T nợ Kim A. T đồng ý bán ma túy và hẹn giao ma túy tại khu vực hồ T thuộc phường N, quận L, Hà Nội. Sau đó, Kim A liên lạc với T5 nói sẽ có người giao ma túy tại khu vực hồ T và yêu cầu T5 chuyển số tiền 2.500.000 đồng đến tài khoản ngân hàng M3 số 0385823355 của Nguyễn Thị Kim A. Đồng thời, Kim A còn dặn T5 gửi trực tiếp thêm cho T 300.000 đồng. T5 đã sử dụng tài khoản ngân hàng T13 số 03393978901 chuyển số tiền trên vào số tài khoản của Kim A rồi điều khiển xe máy BKS 29U5-3918 đến khu vực hồ T lấy ma túy. Khi đến nơi, T5 nhắn tin cho Kim A biết. Một lúc sau, T đi bộ ra đưa cho T5 01 túi ma túy "đá" và nhận lại của T5 số tiền 300.000 đồng. T5 cất ma túy vào túi quần bên trái phía trước đang mặc rồi điều khiển xe máy đi về nhà. Khi đi đến khu vực đầu ngõ B L, phường N, quận L, Hà Nội thì bị Cơ quan Công an kiểm tra, bắt giữ người cùng tang vật.

Khoảng 16 giờ cùng ngày, khi T đang điều khiển xe máy nhãn hiệu BKS 29V5-515.00 chở Bùi Thị H (bạn gái T) thì bị Cơ quan Công an tiến hành đưa về nơi ở để thi hành Lệnh khám xét khẩn cấp, thu giữ tang vật như trên.

Tại Cơ quan điều tra, các bị can Nguyễn Tuấn T, Nguyễn Thị Kim A, Trần Văn T5 thừa nhận hành vi mua bán, tàng trữ trái phép chất ma túy của mình. Lời khai của

các bị can phù hợp với tang vật thu giữ, nội dung tin nhắn trong biên bản kiểm tra điện thoại, kết quả thu giữ điện tín, kết quả sao kê tài khoản ngày 28/5/2024 và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Về đối tượng nam giới M1, sử dụng số điện thoại 0936102516 bán ma túy cho Nguyễn Tuấn T ngày 19/05/2024: T khai không biết tên tuổi, địa chỉ cụ thể. Xác minh số điện thoại 0936102516 là thuê bao trả trước, chủ thuê bao mang tên Trần Thảo N (sinh ngày 13/09/1999, địa chỉ xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre). Qua xác minh không có ai tên Trần Thảo N tại địa chỉ trên nên Cơ quan điều tra không có căn cứ xác minh, làm rõ.

Về vật chứng thu giữ trong vụ án:

Đối với 01 điện thoại SamSung màu đen thu giữ của Trần Văn T5, 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 11 màu trắng thu giữ của Nguyễn Tuấn T và 01 điện thoại Iphone XR màu trắng thu giữ của Nguyễn Thị Kim A: Quá trình điều tra xác định đều liên quan đến việc mua bán, tàng trữ trái phép chất ma túy của các bị can.

Đối với số tiền 20.600.000 đồng tạm giữ ngày 28/05/2024, Nguyễn Tuấn T khai là tiền lao động tích cóp mà có, không liên quan đến tiền mua bán ma túy.

Đối với số tiền 49.000.000 đồng, quá trình điều tra xác định là của chị Bùi Thị H. Ngày 28/5/2024, chị H mang số tiền trên đến nhà T để làm thủ tục kết hôn và lo việc gia đình. Chị H không biết không liên quan việc mua bán ma túy của Nguyễn Tuấn T.

Đối với chiếc xe máy nhãn hiệu Honda SH màu trắng nâu BKS 29V5-51500, quá trình điều tra xác định: Anh Bùi Mạnh H2 (sinh năm 1981, trú tại số G, ngõ V, phường V, quận Đ, Hà Nội) là chủ sở hữu của chiếc xe trên. Ngày 25/5/2024, anh H2 cho chị Bùi Thị H (chị gái) mượn chiếc xe máy trên. Anh H2 không biết, không liên quan việc mua bán ma túy của Nguyễn Tuấn T. Anh H2 có đơn đề nghị được trao trả chiếc xe trên để phục vụ việc đi lại. Ngày 23/12/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố H đã ra Quyết định xử lý vật chứng bằng hình thức trao trả chiếc xe máy trên cho anh Bùi Mạnh H2.

Đối với chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave màu đỏ BKS 29U5-3918, quá trình điều tra xác định: chủ xe mang tên Phạm Thị T7, địa chỉ Tập thể CT Đ, thị trấn Y, huyện G, Hà Nội). Xác minh tại Công an thị trấn Y, kết quả: trên hệ thống cơ sở dữ liệu không có ai là Phạm Thị T7 trú tại địa chỉ trên. Xác minh chiếc xe trên không nằm trong hệ thống xe vật chứng. Trần Văn T5 khai đầu năm 2024, T5 mua chiếc xe trên tại một cửa hàng xe máy khu vực quận B với giá 7.000.000 đồng. Sau đó, cửa hàng viết giấy tờ mua bán và đưa T5 01 đăng ký xe BKS: 30U5-3918 mang tên Phạm Thị T7. Trong quá trình sử dụng, T5 đã đánh mất đăng ký xe và giấy tờ mua bán. Cơ quan điều tra đã tiến hành đăng báo tìm chủ sở hữu hợp pháp của chiếc xe trên nhưng đến nay chưa có kết quả.

Cáo trạng số: 60/CT-VKS-P1 ngày 21/01/2025 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội truy tố bị cáo:

- Nguyễn Tuấn T về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo điểm h khoản 4 Điều 251 Bộ luật Hình sự;

- Nguyễn Thị Kim A về tội "Mua bán trái phép chất ma túy", theo điểm i khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự;

- Trần Văn T5 về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy", theo điểm g khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự;

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng: Điểm h khoản 4 và khoản 5 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38, Điều 58 BLHS đối với bị cáo Nguyễn Tuấn T.

Áp dụng: Điểm i khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38, Điều 58 BLHS đối với bị cáo Nguyễn Kim A.

Về tội danh: Các bị cáo Nguyễn Tuấn T, Nguyễn Thị Kim A phạm tội: *Mua bán trái phép chất ma túy.*

Hình phạt chính: Phạt Bị cáo Nguyễn Tuấn T 20 năm. Phạt bổ sung 20.000.000đ.

Phạt bị cáo Nguyễn Thị Kim A 7 năm đến 8 năm.

Áp dụng: Điểm g khoản 2 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38, Điều 58 BLHS đối với bị cáo.

Phạt Bị cáo Trần Văn T5 từ 5 năm tù đến 6 năm tù.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy toàn bộ số ma túy.

Tịch thu sung công xe máy và điện thoại thu giữ của T, Kim A, T5.

Trả cho bị cáo T 20.600.000đ nhưng giữ lại để đảm bảo thi hành án. Trả lại cho chị H 49 triệu đồng.

Người bào chữa cho bị cáo tranh luận: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và cho bị cáo mức án thấp hơn đề xuất của VKS để bị cáo được hưởng chính sách khoan hồng.

Bị cáo tích cực hợp tác với cơ quan điều tra để thu giữ ma túy ở nơi ở của bị cáo. Bị cáo là đối tượng nghiện ma túy, bị cáo mua ma túy về sử dụng, ngoài ra bán để lấy tiền mua ma túy sử dụng bản thân, đề nghị trả lại cho bị cáo T5 20.600.000đ. Trả lại số tiền 49 triệu của chị H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố H,Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội, của Điều tra viên, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đó thực hiện đều hợp pháp.

[2].Về nội dung:

***[2.1] Về tội danh và hình phạt áp dụng với các bị cáo*:**

Quá trình điều tra tại cơ quan điều tra các bị cáo đều khai không bị ép cung, bức cung, không bị dùng nhục hình, và các bị cáo đều khai nhận hành vi phạm tội như Cáo trạng đã truy tố.

Căn cứ vào lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, căn cứ lời khai người làm chứng, Biên bản bắt người có hành vi phạm tội quả tang, Kết luận giám định và các tài liệu chứng cứ khác có đủ căn cứ kết luận:

Ngày 19/5/2024, Nguyễn Tuấn T mua một đối tượng tên "M1" khoảng 40.000.000 đồng ma túy "đá", hồng phiến, H1 nhằm mục đích bán lại cho khách kiếm lời. Khám xét tại nhà T thu giữ tổng số: 187,801 gam ma túy Methamphetamine, 1,685 gam ma túy Heroine, 0,692 gam ma túy Ketamine.

Ngày 28/5/2024, Nguyễn Tuấn T đã bán cho Nguyễn Thị Kim A 5,251 gam ma túy Methamphetamine để Kim A bán lại cho Trần Văn T5 tại khu vực hồ vực hồ T, phường N, quận L, Hà Nội. Khi T5 đang trên đường mang ma túy về để sử dụng thì bị Cơ quan Công an kiểm tra, bắt quả tang tại khu vực đầu ngõ B L, phường N, quận L, TP Hà Nội.

Hành vi mua bán trái phép chất ma túy, tàng trữ trái phép chất ma túy của các bị cáo là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của nhà nước về ma tuý; xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội, là nguyên nhân gây ra các tệ nạn xã hội và các tội phạm khác. Các bị cáo có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự và nhận thức được hành vi mua bán trái phép chất ma tuý là vi phạm pháp luật, nhưng đã cố ý thực hiện hành vi.

Bị cáo Nguyễn Tuấn T phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi Mua bán trái phép chất ma túy đối với 193,052g Methamphetamine, 1,685g Heroin và 0,692g Ketamine (Quy đổi tổng lượng ma túy trên theo Heroin bằng 1,94968g Heroin, quy đổi theo Ketamine bằng 484,903g Ketamine) theo quy định tại điểm h khoản 4 Điều 251 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Nguyễn Thị kim A phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi Mua bán trái phép chất ma túy đối với 5,251g Methamphetamine, theo quy định tại điểm i khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Trần Văn T5 phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy đối với 5,251g Methamphetamine, theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội truy tố bị cáo ra trước phiên tòa hôm nay là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử có xem xét:

Tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội: Các bị cáo T và Kim A đồng phạm thực hiện hành vi phạm tội, trong đó bị cáo T mua bán trái phép chất ma túy trọng lượng lớn phạm tội đặc biệt nghiêm trọng. Bị cáo Kim A phạm tội mua bán trái phép chất ma túy, bị cáo Trần Văn T5 phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma túy với lượng ma túy bằng nhau nhưng ít hơn nhiều so với bị cáo T nhưng thuộc trường hợp rất nghiêm trọng vì vậy phải có mức án tù đối với các bị cáo.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo T và Kim A có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: tái phạm, theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi tội phạm tội, khi bị bắt quả tang bị cáo T5 khai cung cấp thông tin Kim A là người bán ma túy cho T5, bị cáo Kim A khai ra bị cáo T, cơ quan điều tra đã khởi tố bị cáo Kim A và T5 là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm s, t khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, cần áp dụng để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

Các bị cáo đều có nhân thân xấu.

Vai trò đồng phạm: Bị cáo T vai trò chủ mưu, bị cáo Kim A có vai trò đồng phạm giúp sức.

Với bị cáo T5 độc lập hành vi phạm tội tàng trữ trái phép chất ma túy.

Vì vậy chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội truy tố bị cáo theo tội danh các điều luật áp dụng tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự như đề nghị trong bản luận tội là có căn cứ đúng pháp luật.

[2.2] Về vật chứng: Cơ quan điều tra đã thu giữ số ma túy đã được niêm phong để giám định đã hoàn lại cơ quan điều tra chuyển Cục Thi hành án dân sự TP. Hà Nội đây là vật Nhà nước cấm tàng trữ và lưu hành nên tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 điện thoại SamSung màu đen thu giữ của Trần Văn T5, 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 11 màu trắng thu giữ của Nguyễn Tuấn T và 01 điện thoại Iphone XR màu trắng thu giữ của Nguyễn Thị Kim A: Quá trình điều tra xác định đều liên quan đến việc mua bán, tàng trữ trái phép chất ma túy của các bị cáo nên tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Đối với số tiền 20.600.000 đồng tạm giữ ngày 28/05/2024, Nguyễn Tuấn T khai là tiền lao động tích cóp mà có, và số tiền 49.000.000đ của chị Bùi Thị H mang số

tiền trên đến nhà T để làm thủ tục kết hôn và lo việc gia đình, không liên quan đến tiền mua bán ma túy nên trả cho bị cáo và chị H.

Đối với chiếc xe máy nhãn hiệu Honda SH màu trắng nâu BKS 29V5-51500, quá trình điều tra xác định: Anh Bùi Mạnh H2 (sinh năm 1981, trú tại số G, ngõ V, phường V, quận Đ, Hà Nội), Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố H đã ra Quyết định xử lý vật chứng bằng hình thức trao trả chiếc xe máy trên cho anh Bùi Mạnh H2 là có căn cứ nên không giải quyết.

Đối với chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave màu đỏ BKS 29U5-3918, quá trình điều tra xác định: chủ xe mang tên Phạm Thị T7, địa chỉ Tập thể CT Đ, thị trấn Y, huyện G, Hà Nội). Xác minh tại Công an thị trấn Y, kết quả: trên hệ thống cơ sở dữ liệu không có ai là Phạm Thị T7 trú tại địa chỉ trên. Xác minh chiếc xe trên không nằm trong hệ thống xe vật chứng. Trần Văn T5 khai đầu năm 2024, T5 mua chiếc xe trên tại một cửa hàng xe máy khu vực quận B với giá 7.000.000 đồng. Sau đó, cửa hàng viết giấy tờ mua bán và đưa T5 01 đăng ký xe BKS: 30U5-3918 mang tên Phạm Thị T7. Trong quá trình sử dụng, T5 đã đánh mất đăng ký xe và giấy tờ mua bán. Cơ quan điều tra đã tiến hành đăng báo tìm chủ sở hữu hợp pháp của chiếc xe trên nhưng đến nay chưa có kết quả nên tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Việc xử lý vật chứng theo quy định tại Điều 47 Bộ luật hình sự và 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Về án phí: Các bị cáo tuyên có tội nên phải chịu án phí theo qui định tại Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm; Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 về án phí lệ phí Toà án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1.Căn cứ: Điểm h khoản 4 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo Nguyễn Tuấn T.

Căn cứ: Điểm i khoản 2 Điều 251; điểm s, t khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo Nguyễn Thị Kim A

Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Tuấn T và Nguyễn Thị Kim A phạm tội: *Mua bán trái phép chất ma túy.*

Phạt: Bị cáo Nguyễn Tuấn T 20 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 28/5/2024.

Phạt: Bị cáo Nguyễn Thị Kim A 09 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 17/8/2024.

Căn cứ: Điểm g khoản 2 Điều 249; điểm s, t khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo Trần Văn T5.

Tuyên bố: Bị cáo Trần Văn T5 phạm tội " *Tàng trữ trái phép chất ma túy".*

Phạt: Bị cáo Trần Văn T5 6 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 28/5/2024.

2.Vật chứng: Căn cứ khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015. Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) phong bì niêm phong dán kín màu trắng kích thước khoảng 10x5 cm, tại các mép dán có chữ ký của đối tượng Trần Văn T5, điều tra viên Nguyễn Phú T8, giám định viên Nguyễn Văn H3 hông kiểm tra bên trong niêm phong; 01 (một) phong bì niêm phong dán kín màu trắng kích thước khoảng 30x25 cm, tại các mép dán có chữ ký của đối tượng Nguyễn Tuấn T, điều tra viên Nguyễn Văn N1, giám định viên Nguyễn Văn H3, người chứng kiến Bùi Thị H, không kiểm tra bên trong niêm phong;

Tịch thu sung quỹ Nhà nước: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu đen bị vỡ màn hình đã quả sử dụng, 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu trắng đã quả sử dụng, 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu trắng đã quả sử dụng, 01 (một) xe máy nhãn hiệu Honda Wave màu đỏ BKS: 29U5-3918 đã qua sử dụng, số khung RLHHC090X5Y556032, số máy HC09E5158205.

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Tuấn T 20.600.000đồng.

Trả lại chị Bùi Thị H số tiền 49.000.000đồng.

(Vật chứng đã được bàn giao cho Cục thi hành án dân sự thành phố Hà Nội theo biên bản bàn giao ngày 10/12/2024 giữa cơ quan cảnh sát điều tra Công an T và Cục thi hành án dân sự TP. Hà Nội; Vật chứng là T9 đã được gửi giữ bảo quản tại tài khoản 39.49.0.1052728 của Cục Thi hành án dân sự TP. Hà Nội mở tại kho bạc Nhà nước Hà Đông - Thành phố H theo ủy nhiệm chi ngày 17/2/2025).

3.Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 về án phí, lệ phí Toà án.

Mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo: Các Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo phần liên quan trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Trại tạm giam số 2;
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND TP Hà Nội;
- VKSND TP. Hà Nội (P1);
- Công an TP. Hà Nội;
- Cục T.H.A DS TP. Hà Nội;
- Sở Tư pháp TP Hà Nội;
- Lưu, lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
ĐÃ KÝ

VŨ THỊ THU THỦY